

| STT | SBD      | Họ và Tên      | Khối   | Lớp | Điểm  |
|-----|----------|----------------|--------|-----|-------|
| 1   | 10613871 | Phạm Hà Phương | Khối 2 | 2A7 | 5,240 |
| 2   | 10566704 | Trần Minh Ngọc | Khối 2 | 2A7 | 4,410 |
| 3   | 10580895 | Bùi Quang Huy  | Khối 2 | 2A7 | 3,630 |
| 4   | 10897003 | Phan Bảo Ngân  | Khối 2 | 2A7 | 0     |